

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm gần 44 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,743.51 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Hóa chất, Hàng & dịch vụ công nghiệp. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường cho thấy tâm lý yếu dần sau một thời gian giảm trong giằng co. Nhà đầu tư tiếp tục duy trì giao dịch thận trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm theo chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 20/07/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-43.94** điểm, đóng cửa tại **1743.51** điểm. HNX-Index **-7.29** điểm, đóng cửa tại **284.41** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **LPB (+0.39)**, **VJC (+0.12)**, **SAB (+0.11)**, **HCM (+0.08)**, **BMP (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.16)**, **VHM (-3.12)**, **BID (-2.71)**, **TCB (-2.19)**, **HPG (-2.16)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,883** tỷ đồng, tăng **69.64%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,625 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 47.4 điểm. Thị trường có **45** mã tăng, 26 mã tham chiếu, **296** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-45.94** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (-148.77 tỷ)**, **STB (-68.01 tỷ)**, **VPB (-64.51 tỷ)**, **MBB (-42.65 tỷ)**, **HPG (-34.38 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-40.07** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-3.39%**. Các mã diễn biến tích cực:
HCM (+1.38%) [\(Link báo cáo\)](#)
FPT (+0.15%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-3.90%**. Các mã diễn biến tích cực:
BMP (+2.18%) [\(Link báo cáo\)](#)
LPB (+1.13%) [\(Link báo cáo\)](#)
SAB (+0.85%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-3.39%	-3.90%	-2.46%	-2.29%
1 tuần	-5.26%	-7.15%	-4.64%	-4.24%
1 tháng	-6.31%	-8.80%	-2.69%	-2.93%
3 tháng	-9.40%	-14.25%	-4.05%	-5.07%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,743.51	284.41	126.34
% 1D	-2.46%	-2.50%	-0.82%
GTKL (tỷ VND)	17,883	1,308	235
%1D	69.64%	115.11%	9.80%
GDNN (tỷ VND)	-45.94	-40.07	-1.59

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	205.72	VCB	-148.77
VIC	73.86	STB	-68.01
VNM	51.35	VPB	-64.51
VND	37.66	MBB	-42.65
HDB	32.11	HPG	-34.38

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

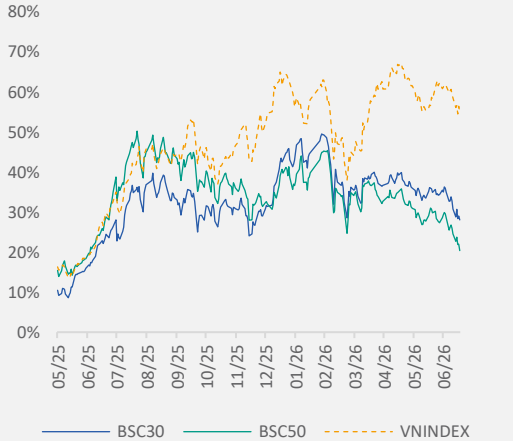
	%D	%W
SPX	-1.01%	-1.55%
FTSE100	-0.36%	0.61%
Eurostoxx	0.18%	-0.30%
Shanghai	0.85%	-3.00%
Nikkei	-4.03%	-6.44%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	88.16	0.07%
Giá vàng	4,022	0.12%
Tỷ giá		
USD/VND	26,292	0.01%
EUR/VND	30,080	0.04%
JPY/VND	162	0.06%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.4%	0.00%
LS LNH 1M	6.8%	0.08%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LPB	53.50	1.13%	0.39	2.45
VJC	132.00	0.53%	0.12	1.11
SAB	47.30	0.85%	0.11	0.64
HCM	25.75	1.38%	0.08	9.02
BMP	154.90	2.18%	0.06	0.28

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	81.00	8.72%	4.12	0.33
SHN	10.50	9.38%	0.08	0.69
VSA	19.90	9.34%	0.02	0.00
NTH	54.00	3.85%	0.01	0.00
TTL	7.70	6.94%	0.01	0.00

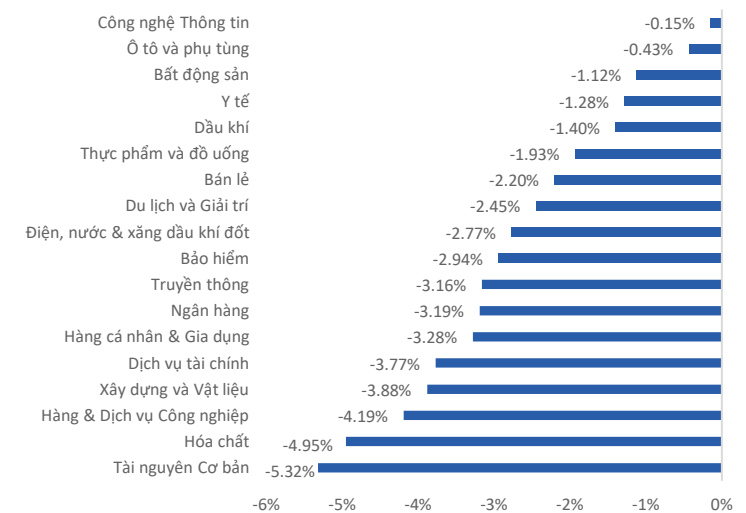
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
ABS	3.43	6.85%	1.40
VID	4.96	6.67%	0.00
TNI	6.64	6.41%	2.05
DAT	8.50	6.38%	0.01
OPC	21.25	6.25%	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
TTC	10.10	9.78%	0.00
DC2	6.80	9.68%	0.00
NAP	10.20	9.68%	0.00
SSM	4.60	9.52%	0.00
SHN	10.50	9.38%	0.69

Hình 1 Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	56.70	-3.08%	-3.16	10.07
VHM	136.90	-2.56%	-3.12	3.01
BID	37.00	-4.64%	-2.71	5.53
TCB	29.95	-4.77%	-2.19	16.64
HPG	20.60	-5.72%	-2.16	53.94

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	135.80	-5.03%	-1.71	0.00
MBS	18.50	-7.04%	-0.85	12.39
NVB	11.60	-5.69%	-0.82	0.39
SHS	15.00	-8.54%	-0.75	25.78
PVS	36.70	-4.18%	-0.51	2.73

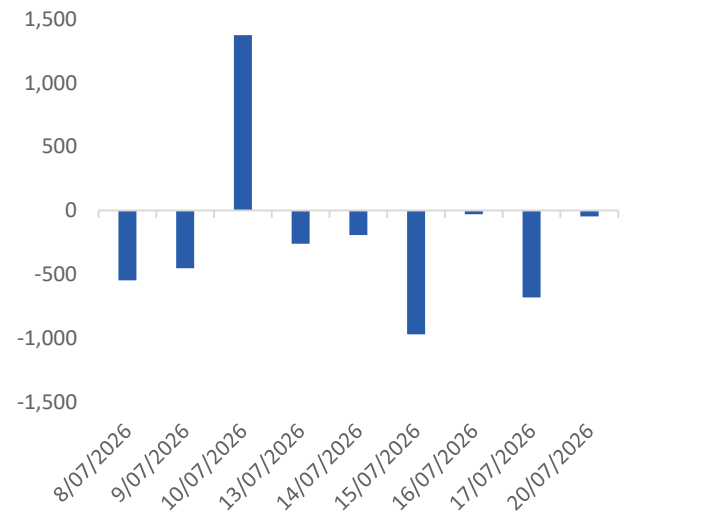
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
PTL	1.86	-7.00%	0.10
GEX	23.25	-7.00%	14.52
DXG	11.35	-6.97%	17.44
ACC	6.95	-6.96%	0.00
TNT	9.26	-6.93%	0.10

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
NFC	58.60	-9.85%	0.00
TKU	11.00	-9.84%	0.00
CKV	15.80	-9.71%	0.05
VHL	11.40	-9.52%	0.00
VDL	8.60	-9.47%	0.00

Hình 2 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	75.2	-2.0%	1.0	110,978	664.2	5,552	13.6	113.0	48.8%	Link
KBC	Bất động sản	27.0	-3.7%	1.1	25,427	55.4	1,714	15.8	42.4	7.6%	Link
KDH	Bất động sản	17.8	-3.5%	0.9	19,975	155.6	1,077	16.5	39.9	24.8%	Link
PDR	Bất động sản	12.7	-5.6%	1.0	12,672	161.1	607	20.9	28.2	6.5%	Link
VHM	Bất động sản	136.9	-2.6%	1.8	562,305	417.3	15,766	8.7	132.6	7.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	67.1	0.2%	0.6	115,031	493.7	5,689	11.8	124.4	27.4%	Link
BSR	Dầu khí	24.7	-1.0%	0.0	123,430	202.8	2,612	9.4	-	1.2%	Link
PVS	Dầu khí	36.7	-4.2%	1.0	18,769	102.0	3,781	9.7	52.3	16.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.8	1.4%	1.0	34,761	227.8	1,376	18.7		34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	22.7	-6.4%	1.1	56,775	844.7	2,152	10.6		30.9%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	20.0	-5.9%	0.8	23,045	293.4	1,314	15.2		17.8%	Link
DCM	Hóa chất	30.3	-4.6%	0.9	16,014	77.0	4,413	6.9	53.3	6.3%	Link
DGC	Hóa chất	43.0	-4.0%	0.7	16,330	33.2	6,819	6.3	96.7	4.4%	Link
ACB	Ngân hàng	22.9	-3.0%	0.6	132,631	518.5	2,802	8.2	27.1	24.7%	Link
CTG	Ngân hàng	30.8	-3.8%	1.0	239,222	356.8	4,906	6.3	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	26.9	-1.5%	1.1	134,392	563.2	3,482	7.7	32.7	21.6%	Link
MBB	Ngân hàng	22.8	-4.0%	0.9	183,654	490.7	3,442	6.6	32.4	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	16.2	-1.2%	0.9	50,388	220.2	1,884	8.6	14.0	7.6%	Link
STB	Ngân hàng	73.0	-0.7%	0.6	137,621	376.3	2,454	29.7		11.4%	Link
TCB	Ngân hàng	30.0	-4.8%	1.1	212,233	512.6	3,677	8.2	43.5	21.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.6	-4.3%	1.0	40,362	179.6	2,661	5.5	-	23.2%	Link
VCB	Ngân hàng	56.7	-3.1%	0.7	473,767	581.1	4,301	13.2	75.8	20.2%	Link
VIB	Ngân hàng	15.0	-2.9%	0.7	50,890	201.7	2,231	6.7	23.0	3.8%	Link
VPB	Ngân hàng	25.0	-3.3%	1.1	198,348	570.2	3,758	6.7	36.5	23.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.6	-5.7%	0.8	173,925	1132.6	2,499	8.2	32.2	21.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.7	-5.8%	0.8	8,597	50.3	679	15.7	14.3	3.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.3	-6.9%	0.7	7,005	126.8	3,184	5.1	28.8	1.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	64.8	-4.7%	1.0	94,632	420.9	3,265	19.8	100.4	23.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.5	-0.9%	0.5	122,262	268.4	4,914	11.9	78.0	48.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngàn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	35.2	-6.02%	1.0	7,774	38.7	2,914	12.1	23.1%		Link
FRT	Bán lẻ	109.9	-1.70%	0.8	19,652	11.1	5,113	21.5	31.3%		Link
BVH	Bảo hiểm	58.1	-3.17%	1.0	43,129	16.5	3,977	14.6	27.3%		Link
DIG	Bất động sản	11.3	-6.64%	0.8	8,960	131.5	1,003	11.2	2.0%		Link
DXG	Bất động sản	11.4	-6.97%	0.9	14,393	200.0	183	62.0	18.9%		Link
HDC	Bất động sản	12.3	-6.82%	0.8	2,825	38.3	2,441	5.0	1.2%		Link
HDG	Bất động sản	16.8	-5.62%	0.8	6,837	38.3	1,635	10.3	16.7%		Link
IDC	Bất động sản	36.9	-1.34%	1.0	14,004	63.1	4,899	7.5	15.6%		Link
NLG	Bất động sản	23.7	-4.63%	0.7	11,497	44.8	1,599	14.8	40.4%		Link
SIP	Bất động sản	47.0	-3.10%	0.9	11,367	7.1	5,392	8.7	2.3%		Link
SZC	Bất động sản	19.3	-4.70%	0.9	3,465	8.5	1,309	14.7	1.3%		Link
TCH	Bất động sản	12.6	-6.69%	1.0	11,447	90.7	259	48.5	10.2%		Link
VIC	Bất động sản	220.0	0.00%	1.7	1,707,681	602.3	1,506	146.1	3.2%		Link
VRE	Bất động sản	23.3	-5.30%	1.4	52,831	126.6	3,025	7.7	11.8%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	25.1	-4.02%	0.9	5,834	4.0	1,774	14.1	36.5%		Link
PLX	Dầu khí	34.3	-2.56%	1.0	43,581	59.7	1,400	24.5	14.0%		Link
PVD	Dầu khí	19.3	-1.28%	1.0	17,906	88.8	1,281	15.1	9.6%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	22.6	-6.82%	1.0	8,595	56.8	1,105	20.4	24.7%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	18.5	-7.04%	1.1	18,517	235.0	1,828	10.1	0.4%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	73.1	-4.07%	1.0	176,387	65.7	4,808	15.2	2.1%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.6	-2.52%	0.9	41,569	153.3	1,122	12.1	4.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.5	-1.73%	0.3	28,311	25.4	4,224	10.8	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	132.0	0.53%	0.6	101,520	145.9	3,287	40.2	6.3%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.3	-7.00%	1.0	30,422	342.3	1,139	20.4	7.0%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	76.0	-1.94%	0.7	32,414	378.5	4,457	17.1	40.7%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.9	-2.81%	0.5	8,456	35.1	6,746	6.7	9.7%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.0	-6.08%	0.8	8,788	80.5	2,211	7.7	12.5%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.3	-1.40%	0.7	9,954	21.5	2,336	21.1	3.9%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	41.0	-4.65%	0.7	20,981	241.0	7,093	5.8	47.2%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.5	-6.91%	0.8	2,059	14.7	2,181	8.0	48.1%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.8	-3.45%	0.9	2,163	15.2	3,441	4.9	22.1%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	23.0	-2.34%	0.7	15,604	109.1	1,868	12.3	3.7%		Link
GVR	Hóa chất	27.9	-6.06%	1.5	111,600	46.8	1,572	17.7	0.6%		Link
EIB	Ngân hàng	17.9	-6.05%	1.0	33,250	204.2	401	44.5	2.1%		Link
LPB	Ngân hàng	53.5	1.13%	0.9	159,820	129.6	3,738	14.3	1.1%		Link
NAB	Ngân hàng	12.7	-1.94%	0.6	27,309	32.1	2,184	5.8	1.2%		Link
OCB	Ngân hàng	10.4	-5.48%	0.8	31,697	37.8	1,395	7.4	19.6%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	10.4	-6.73%	0.7	5,120	34.1	313	33.2	4.5%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.2	-5.25%	1.0	4,566	10.1	3,992	4.3	2.8%		Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	29.6	-0.67%	0.4	10,781	51.0	549	53.9	2.8%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.3	0.85%	0.6	60,665	30.1	3,754	12.6	58.6%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.5	-2.97%	0.8	11,625	20.5	6,662	8.3	18.9%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	154.9	2.18%	0.2	12,680	43.4	15,674	9.9	82.1%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	59.1	-6.93%	0.7	6,609	43.5	7,565	7.8	46.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	68.6	-1.29%	0.8	8,788	31.9	4,901	14.0	4.1%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	28.2	-6.31%	0.7	3,344	11.3	3,213	8.8	18.7%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	10.1	-2.43%	0.8	5,774	58.3	1,173	8.6	9.9%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.6	-5.73%	0.8	8,452	58.2	2,838	7.2	8.6%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.7	-6.85%	0.7	10,927	158.0	5,956	2.6	2.3%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.0	-5.68%	0.9	17,486	27.6	2,896	13.5	0.9%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
2	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
3	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
5	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
6	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
7	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
8	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
9	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
10	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
11	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
12	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
13	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
14	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
15	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
16	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
17	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
18	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
20	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
21	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
22	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
24	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>